



Số: 12...../2025/QTMT/QTĐK

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI



- Thời gian lấy mẫu: Ngày 23 tháng 01 năm 2025.
- Thời gian thử nghiệm: từ ngày 24/01/2025 đến ngày 04/02/2025.
- Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ $25 \pm 5^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $60 \pm 10\%$
- Mục đích lấy mẫu: Lập báo cáo Quan trắc định kỳ đợt 1 năm 2025 tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh.
- Lấy mẫu: Tổ quan trắc hiện trường ☒ Gửi phòng thử nghiệm ☐
- Vị trí lấy mẫu:- NT₁₃: Nước thải chưa xử lý (tại bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung), điểm lấy mẫu có toạ độ: 105°53'38,66" (Đ); 18°17'41,00" (B);
- NT₁₄: Nước thải sau xử lý (tại hố lấy mẫu quan trắc trước khi xả thải), điểm lấy mẫu có toạ độ: 105°53'38,33" (Đ); 18°17'40,41" (B);
- Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	
				NT ₁₃	NT ₁₄
1	Lưu lượng	SOP.HT.07.36	m ³ /ngày	219	187
2	pH ⁽¹⁾	TCVN 6492:2011	-	6,9	7,5
3	Nhiệt độ ⁽¹⁾	SMEWW 2550B:2017	°C	27,8	25,0
4	Độ màu	TCVN 6185:2015	Pt-Co	621	48
5	BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	mg/l	372	21,7
6	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	596	60
7	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	270	24
8	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	111	0,31
9	Tổng Phenol	TCVN 6216: 1996	mg/L	<0,002	<0,002
10	Sunfua (H ₂ S)	SMEWW 4500-S ² B&D:2017	mg/l	1,41	<0,05
11	Tổng Nito	TCVN 6638:2000	mg/l	116	14
12	Tổng Photpho	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	2,062	1,347
13	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	11.000	100
14	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2017	mg/l	1,06	<0,30

Ghi chú:

- (1): Phép thử đo tại hiện trường;
 - Không trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm QT TN&MT Hà Tĩnh.
- Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 2 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thị Lê Thúy

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Sơn